

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. TRẦN NGỌC LINH^(*)

Tóm tắt: Bài viết hướng đến đánh giá các yếu tố chính tác động đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020. Thực tế cho thấy, quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa thật sự hiệu quả. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố, như hiệu quả trong việc tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra thuế, mức độ tự chủ của cơ quan thuế, hoạt động phòng, chống tham nhũng và cơ chế kích lệ, là những yếu tố có ý nghĩa tác động đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại trường hợp nghiên cứu này. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; quản lý thuế; Thành phố Hồ Chí Minh

1. Giới thiệu

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được xem là một trong những chất xúc tác quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia đang phát triển⁽¹⁾. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc quản lý thuế đối với các doanh nghiệp FDI chưa thật sự hiệu quả. Với phạm vi hoạt động toàn cầu và mạng lưới liên kết rộng lớn, cùng những chiến lược tránh thuế tinh vi thông qua việc thành lập các doanh nghiệp FDI đã

khai thác lỗ hổng và sự không phù hợp trong chính sách thuế của các quốc gia để trục lợi về thuế⁽²⁾. Với những chiến lược tránh thuế này, các công ty đa quốc gia (MNEs) càng nhận được nhiều lợi ích thì tổn thất thuế của các quốc gia càng lớn⁽³⁾.

Xem xét ở cấp độ địa phương, số liệu thực tế cho thấy, mặc dù FDI dần trở thành nguồn lực quan trọng đóng góp vào những bước phát triển của nền kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, song hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn nhiều hạn chế, các doanh nghiệp chưa kiểm soát tốt việc tuân thủ thuế. Nhiều doanh nghiệp FDI ở Thành phố Hồ Chí Minh khai

^(*)Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh

báo lỗ liên tục nhiều năm, trong khi hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế vẫn mở rộng. Điều này không những làm cho ngân sách nhà nước thất thu thuế, mà còn gây ra sự cạnh tranh không công bằng giữa doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước. Bài viết hướng đến đánh giá tác động của hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.

2. Cơ sở lý luận

- *Quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI*

Quản lý được hiểu một cách khái quát là quá trình nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ và phương pháp thích hợp nhằm bảo đảm sự tuân thủ của đối tượng quản lý thuế nhằm đạt được mục tiêu đặt ra. Quản lý thuế đóng vai trò then chốt, quyết định hiệu quả thu thuế. Chất lượng quản lý thuế bảo đảm số thuế thu được đúng quy định, tập trung, thống nhất và ổn định.

Lược khảo nghiên cứu cho thấy, doanh nghiệp FDI có những đặc trưng khác biệt so với các loại hình doanh nghiệp khác. Các đặc điểm chính của doanh nghiệp FDI ở góc độ quản lý thuế có thể tóm tắt như sau:

(1) Doanh nghiệp FDI được thành lập tại một quốc gia, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia đó cấp phép thành lập. Tuy nhiên, các doanh nghiệp FDI thường là thành viên của các tập đoàn đa quốc gia (MNEs). Đặc điểm này khiến cho mối liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và các thành viên khác cùng một tập đoàn tương đối chặt chẽ và phức tạp.

(2) Doanh nghiệp FDI được tổ chức quản lý chịu sự chi phối gián tiếp của luật pháp nước cư trú (nước đầu tư), đồng thời chịu sự quản lý của nước sở tại (nước nhận đầu tư), nên việc kiểm soát gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, các doanh nghiệp này có kinh nghiệm lâu năm kinh doanh trên thị trường quốc tế nên có nhiều biện pháp tinh vi đối phó với cơ quan chức năng.

(3) Doanh nghiệp FDI thường sử dụng nguồn nguyên liệu, dây chuyền công nghệ từ chính quốc nên rất phức tạp trong việc xác

định được giá trị thị trường trong quá trình góp vốn liên doanh ảnh hưởng đến việc xác định chi phí.

(4) Sản phẩm được sản xuất ra của doanh nghiệp FDI thường chịu sự chi phối, bao tiêu của công ty mẹ nên gây cản trở cho các cơ quan chức năng trong việc xác định doanh thu.

Như vậy, so với các doanh nghiệp khác, các doanh nghiệp FDI có phạm vi hoạt động rộng lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu và mạng lưới các bên liên kết. Vì vậy, công tác quản lý thuế đối với đối tượng doanh nghiệp này có nhiều khác biệt và cần được nghiên cứu chuyên sâu.

- *Các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI*

+ *Quyền tự chủ của cơ quan thuế*

Quyền tự chủ phản ánh mức độ độc lập mà nhà nước cấp cho cơ quan thuế về khía cạnh quản lý tài chính, nguồn nhân lực, quy trình ra quyết định,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý thuế. Abiola & Asiweh (2012) định nghĩa tự chủ là mức độ mà các cơ quan thuế có thể hoạt động độc lập về mặt pháp luật và quan hệ pháp lý với cơ quan khác cũng như mức độ tự chủ về nguồn nhân lực và sử dụng ngân sách được cấp⁽⁴⁾.

Theo Rahman (2009) tự chủ làm tăng tính minh bạch của quản lý thuế, nâng cao năng suất thu thuế và sử dụng hiệu quả của các chi phí. Điều này cũng giảm thiểu các cơ hội tham nhũng trong cơ quan thuế nếu đi cùng với cơ chế kiểm soát nội bộ hiệu quả⁽⁵⁾. Tương tự, Mikesell (1974) luận giải, quyền tự chủ của cơ quan thuế trong quản lý thuế giúp người nộp thuế dễ dàng nhận biết chính phủ đã đánh thuế những gì, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm cũng như hiệu quả quản lý⁽⁶⁾.

+ *Sự phát triển của hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông*

Công nghệ thông tin là hệ thống tích hợp bao gồm công nghệ và kết cấu hạ tầng cần thiết để xử lý, lưu trữ, truyền tải và cung cấp thông tin cho người dùng cuối một cách hiệu quả. Đây là công cụ quan trọng hỗ trợ công việc của các tổ chức chính phủ với mục tiêu cung cấp dịch

vụ và thông tin công cộng một cách thuận tiện, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí⁽⁷⁾.

Tương tự, James (2007) nhận định rằng, việc sử dụng công nghệ thông tin làm tăng sự đổi mới, năng suất, thực hành hiệu quả và cải thiện hiệu suất chung của khu vực công⁽⁸⁾.

+ *Hiệu quả thanh tra - kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp FDI*

Thanh tra - kiểm tra thuế là việc đánh giá, xác minh nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế của người nộp thuế bởi cơ quan thuế để bảo đảm nghĩa vụ thuế được tính và nộp đầy đủ, chính xác. Badara & Saidin (2012) định nghĩa: Thanh tra - kiểm tra thuế là việc kiểm tra độc lập báo cáo thuế được thực hiện bởi cơ quan thuế, khẳng định rằng các hoạt động thanh tra - kiểm tra thuế hiệu quả giúp chính phủ thu được số thuế đúng quy định, bảo đảm được sự công bằng giữa những người nộp thuế⁽⁹⁾. Djawadi & Fahr (2013) nhận định các hoạt động thanh tra - kiểm tra thuế hiệu quả làm nâng cao ý thức tuân thủ thuế của người nộp thuế⁽¹⁰⁾.

+ *Mức độ tuyên truyền cộng đồng*

Tuyên truyền cộng đồng đề cập đến quy trình giáo dục và giúp người nộp thuế hiểu các vấn đề thuế, từ đó, thực hiện trách nhiệm khai và nộp thuế đúng hạn⁽¹¹⁾. Mức độ tuyên truyền cộng đồng được phản ánh các chương trình, chiến dịch tuyên truyền và phổ cập kiến thức cho người nộp thuế về các vấn đề thuế và là yếu tố quan trọng khuyến khích người nộp thuế thực hiện tuân thủ thuế. Theo Abiola & Asiweh (2012), việc tuyên truyền cho phép công dân hiểu rằng nộp thuế là trách nhiệm công dân. Điều này giúp nâng cao sự tuân thủ thuế, thúc đẩy tạo nguồn thu cho nhà nước. Tương tự, một số nghiên cứu cũng nhận định rằng, sự hiểu biết tốt hơn về hệ thống thuế giúp nâng cao ý thức tuân thủ thuế của người nộp thuế⁽¹²⁾.

+ *Động lực và sự khích lệ đối với cán bộ thuế*

Đặt trong bối cảnh của nghiên cứu này, động lực và khuyến khích đề cập đến cơ chế được cơ quan thuế áp dụng xét về mặt hỗ trợ tinh thần và mức lương tốt để tăng hiệu

suất làm việc của cán bộ thuế, giúp nâng cao hiệu quả quản lý thuế. Rainey & Steinbauer (1999) nhận định, năng suất và hiệu quả của các tổ chức và cơ quan hành chính công có thể được cải thiện bằng ba yếu tố có liên quan lẫn nhau, gồm phần thưởng thực chất, sứ mệnh và dịch vụ công. Nếu nhân viên hành chính công nhận thấy công việc của họ là quan trọng và được tổ chức ghi nhận, khích lệ thì họ sẽ nỗ lực hơn nữa để bảo đảm đạt được các mục tiêu theo mức độ công việc của họ⁽¹³⁾. Afful-Broni (2012) chỉ ra việc thiếu động lực và mức lương thấp là những yếu tố chính làm giảm tinh thần làm việc và hiệu suất làm việc thấp⁽¹⁴⁾.

Solomon & cộng sự (2012) chỉ ra động lực đầy đủ giúp cải thiện năng suất lao động của nhân viên. Các tác giả gợi ý rằng, các tổ chức nên cải tiến liên tục động lực thúc đẩy vì nó có thể nâng cao hiệu quả và năng suất của nhân viên⁽¹⁵⁾. Marsden & Richardson (1992) nghiên cứu tác động của động lực đến hiệu quả làm việc của cán bộ thuế và kết quả cho thấy động lực làm việc làm tăng hiệu suất và hiệu quả công việc của họ⁽¹⁶⁾.

+ *Mức độ cảm nhận tham nhũng*

Theo nghĩa rộng, tham nhũng được hiểu là hành vi của bất kỳ người nào có chức vụ, quyền hạn hoặc được giao nhiệm vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc nhiệm vụ được giao để vụ lợi. Theo nghĩa hẹp, tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi⁽¹⁷⁾. Theo OECD (2012), trong quản lý thuế, tham nhũng được xác định là hành vi trục lợi và không trung thực của cán bộ thuế khi nhận lợi ích từ người nộp thuế và xử lý hồ sơ để doanh nghiệp trả ít thuế hơn⁽¹⁸⁾.

Alon & Hageman (2013) kiểm tra tác động của tham nhũng đối với việc tuân thủ thuế và kết quả cho thấy tham nhũng trong các nền kinh tế chuyển đổi có mối tương quan cao với ảnh hưởng của các nhóm người có vị trí cao trong xã hội⁽¹⁹⁾. Karimi, Jafari

& Rezaei (2010) điều tra tác động của tham nhũng đối với doanh thu thuế ở các nền kinh tế đang phát triển. Kết quả chỉ ra có một mối quan hệ mang ý nghĩa thống kê giữa chỉ số nhận thức tham nhũng và số thu thuế⁽²⁰⁾.

3. Mô hình nghiên cứu và quy trình kiểm định

- Mô hình nghiên cứu

Có thể nhận định, các nghiên cứu trước đưa ra các nhận định khác nhau về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI. Thông qua lược khảo các nghiên

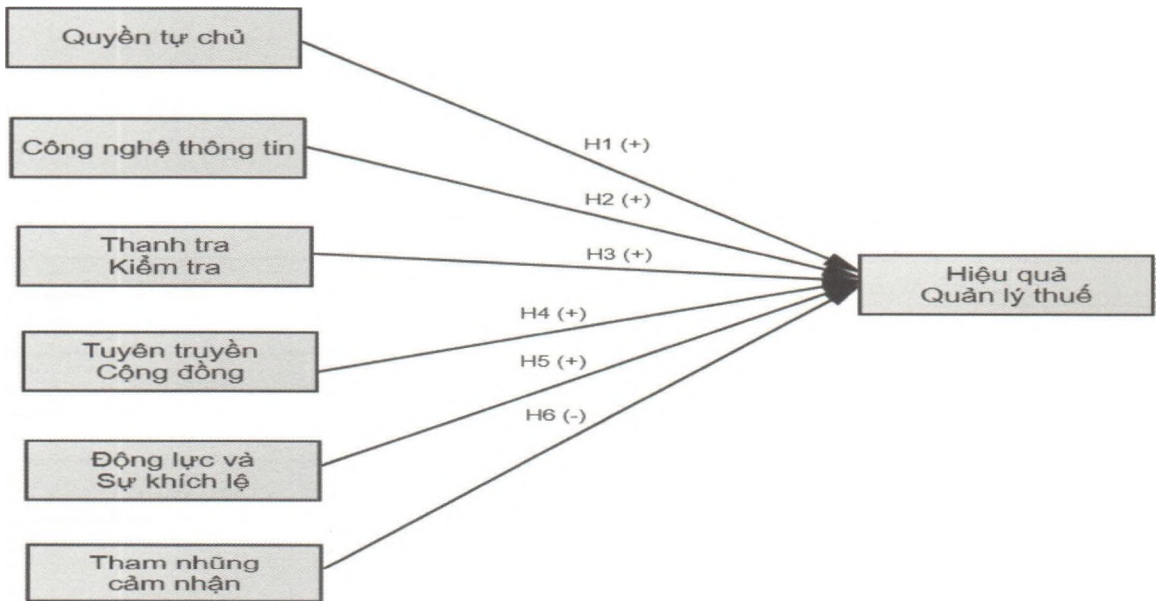
H1: Mức độ tự chủ của cơ quan thuế ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

H2: Hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan thuế có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

H3: Hiệu quả thanh tra - kiểm tra thuế có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

H4: Mức độ tuyên truyền cộng đồng có tác

Sơ đồ 1: Mô hình kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh



Nguồn: Tác giả thiết lập

cứ trước, tác giả đúc kết 06 yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI, bao gồm: (1) Quyền tự chủ của cơ quan thuế; (2) Công nghệ thông tin; (3) Thực hành thanh tra - kiểm tra thuế; (4) Mức độ tuyên truyền; (5) Động lực và sự khích lệ; (6) Mức độ tham nhũng. Theo đó, tác giả hình thành mô hình thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau (xem Sơ đồ 1):

động tích cực đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

H5: Động lực và sự khích lệ có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

H6: Mức độ cảm nhận tham nhũng có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy trình kiểm định

Để kiểm định mô hình trên, tác giả thực thi một quy trình nghiên cứu như sau (xem Sơ đồ 2):

Quy trình thực hiện nghiên cứu được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa phân tích định tính và phân tích định lượng. Như sơ đồ trên mô tả, thông qua kỹ thuật thảo luận và phỏng vấn, tác giả bổ sung, điều chỉnh thang đo trước khi tiến hành khảo sát chính thức trên mẫu lớn. Trong khi đó, các phương pháp định lượng phù hợp được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

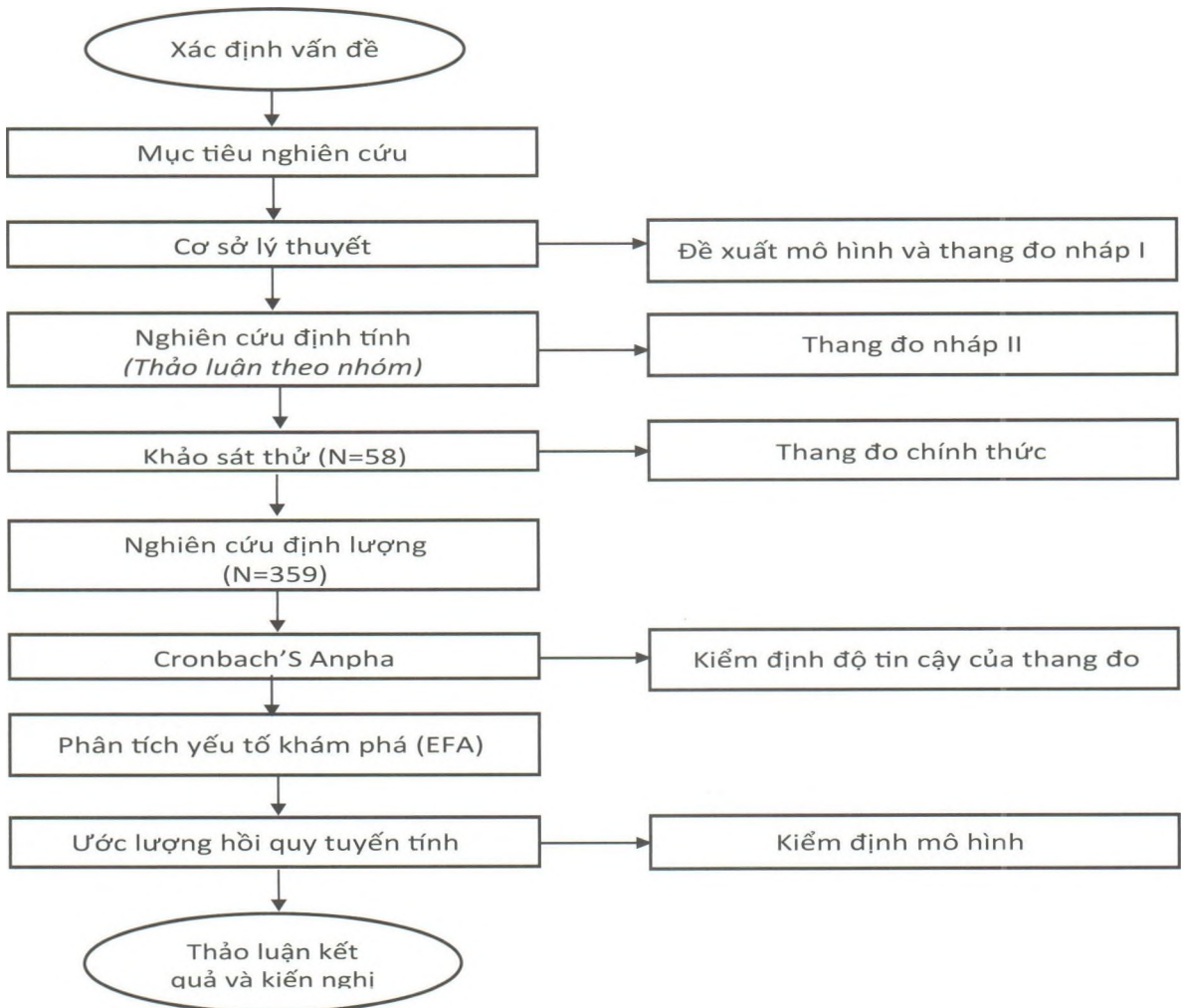
+ *Phân tích định tính*

Đầu tiên, các thang đo các yếu tố được

xây dựng và hình thành dựa trên cơ sở tổng quan nghiên cứu và các nghiên cứu thực nghiệm trước (thang đo nháp I). Tuy nhiên, do nhóm đối tượng nghiên cứu có nhiều điểm đặc thù nên việc phỏng vấn chuyên gia là điều cần thiết. Đây là cơ sở để tác giả hoàn thiện thang đo chính thức các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức phỏng vấn chuyên gia bằng hình thức thảo luận (thảo luận cùng mục tiêu kiểm định thứ nhất). Từ đó, tác giả tổng hợp đề hình

Sơ đồ 2: Các bước thực hiện đánh giá các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh



Nguồn: Tác giả thiết lập

thành các biến đo lường mỗi yếu tố (Thang đo nháp II). Từ cơ sở này, bảng hỏi được điều chỉnh phù hợp hơn với đối tượng khảo sát.

Tiếp theo, tác giả thực hiện khảo sát thử với 58 cán bộ là chuyên viên, chuyên gia có thâm niên công tác thuế trên 15 năm, đang trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khảo sát này nhằm điều chỉnh các câu hỏi trong bảng câu hỏi khảo sát phù hợp với đối tượng nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu.

Bảng câu hỏi khảo sát chính thức được xây dựng dựa trên các câu hỏi thành phần và thuộc tính đo lường sau nghiên cứu định tính. Thang đo được sử dụng trong nghiên cứu là thang đo Likert 5 mức độ (thang đo chính thức).

+ Phân tích định lượng

Theo đó, tác giả thực hiện khảo sát đánh giá các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp chọn mẫu là phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Trong quá trình khảo sát, các bảng câu hỏi được gửi đến đối tượng khảo sát bằng hai hình thức: gửi bảng khảo sát bằng giấy và gửi bảng khảo sát trực tuyến qua email cá nhân. Cụ thể, các bảng khảo sát được gửi đến 360 đối tượng khảo sát là các cán bộ trực tiếp quản lý thuế theo các chức năng đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh, có 359/360 cán bộ thuế được khảo sát có bảng trả lời gửi về.

4. Kết quả và thảo luận

Với hai công cụ phân tích hệ số tin cậy Cronbach'Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA, nghiên cứu đã tìm ra 05 nhân tố độc lập có ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Quyền tự chủ; Ứng dụng công nghệ thông tin; Tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra; Phòng, chống tham nhũng và Động lực kích lệ. Kết quả được trình bày trong bảng dưới đây (xem Bảng 1 và Bảng 2):

Như vậy, sau khi tiến hành các bước đánh giá thang đo và phân tích yếu tố khám phá, kết quả phân tích cho thấy có 24 biến quan sát và trích xuất được 05 yếu tố ảnh hưởng. Cụ thể, thành phần Thanh tra kiểm tra và Tuyên truyền giáo dục được nhập thành một thành phần (Tuyên truyền thanh tra).

Do đó, mô hình được điều chỉnh lại như sau (xem Sơ đồ 3):

Từ đó, tác giả thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính đa biến bằng phương pháp đưa vào cùng lúc 05 biến độc lập và 01 biến phụ thuộc để xác định các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố độc lập đối với yếu tố phụ thuộc (xem Bảng 3).

Bảng tổng hợp mô hình cho thấy R² đạt 0.182 và hệ số R² hiệu chỉnh là 0.173. Kết quả này thể hiện 18.2% sự biến thiên của hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh có thể được giải thích bởi các yếu

Bảng 1: Kết quả Cronbach's Alpha các thang đo

Stt	Thang đo	Số biến	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến-tổng nhỏ nhất
01	Quyền tự chủ	5	0.803	0.663
02	Tuyên truyền, thanh tra	6	0.639	0.428
03	Công nghệ thông tin	3	0.616	0.421
04	Phòng, chống tham nhũng	3	0.611	0.494
05	Tạo động lực và kích lệ	4	0.673	0.390
06	Hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI	3	0.657	0.472

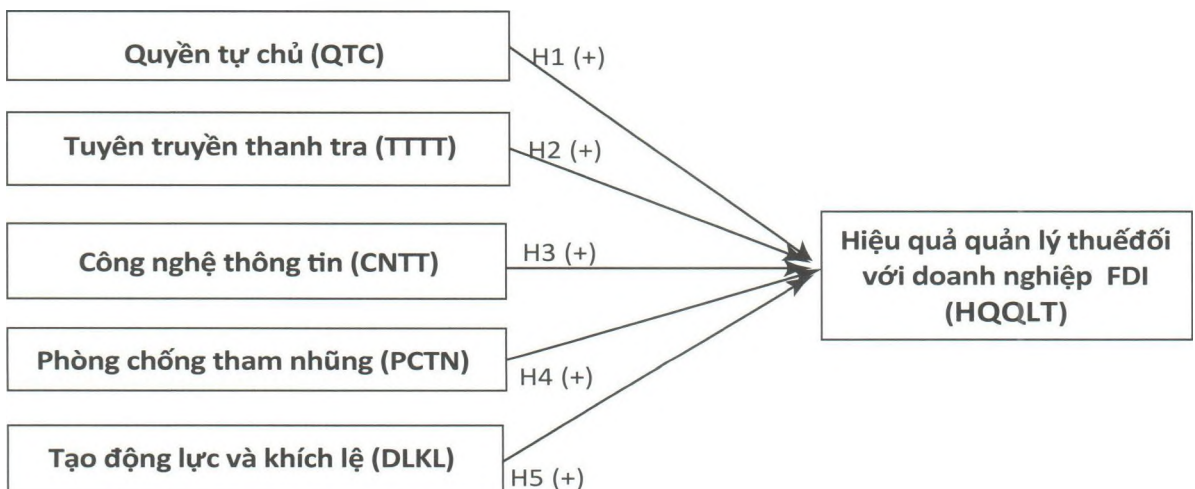
Nguồn: Tác giả tính toán (từ SPSS)

Bảng 2: Ma trận phân tích nhân tố với phép xoay Varimax

	Các nhân tố				
	Quyền tự chủ	Tuyên truyền thanh tra	Công nghệ thông tin	Phòng chống tham nhũng	Tạo động lực và khích lệ
QTC1	.840				
QTC2	.817				
QTC3	.768				
QTC4	.731				
QTC5	.594				
TTTT1		.713			
TTTT2		.696			
TTTT3		.650			
TTTT4		.642			
TTTT5		.609			
TTTT6		.585			
CNTT1			.802		
CNTT2			.799		
CNTT3			.645		
PCTN1				.741	
PCTN2				.682	
PCTN3				.671	
DLKL1					.717
DLKL2					.700
DLKL3					.594
DLKL4					.538

Nguồn: Tác giả tính toán (từ SPSS)

Sơ đồ 3: Mô hình kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh



Nguồn: Tác giả thiết lập

tố: Quyền tự chủ; Ứng dụng Công nghệ thông tin; Tuyên truyền, thanh tra; Phòng, chống tham nhũng; Động lực kích lệ (xem Bảng 4).

Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Quyền tự chủ; Tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra; Phòng, chống tham nhũng và Động lực kích lệ. Theo

Bảng 3: Bảng tổng hợp kết quả mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² điều chỉnh	Độ lệch chuẩn	Thống kê			Durbin-Watson
					R ² thay đổi	F biến thiên	Sig.	
1	.427	.182	.173	.55313	.182	19.68	.000	1.690

Nguồn: Tác giả thiết lập

Kết quả kiểm định chỉ ra, các biến tác động có ý nghĩa đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm yếu tố: Quyền tự chủ, Tuyên truyền, thanh tra; Phòng, chống tham nhũng; Động lực kích lệ. Theo đó, so sánh với các giả thuyết đặt ra, kết quả kiểm định có thể được trình bày tóm tắt như sau (xem Bảng 5).

đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh như *Bảng 5*

Thứ nhất, cơ cấu lại bộ máy tổ chức cục thuế theo hướng xác định chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của các bộ phận trong tổ chức một cách rõ ràng, minh bạch. Thực hiện điều chuyển cán bộ hợp lý, với trình độ, kỹ

Bảng 4: Kết quả hồi quy tuyến tính

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	Thống kê	Mức ý nghĩa	Thống kê về đa công tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
Hằng số	1.197	.267		4.490	.000		
Quyền tự chủ***	.082	.046	.105	1.765	.078	.647	1.546
Tuyên truyền, thanh tra*	.114	.070	.096	1.634	.100	.667	1.498
Phòng, chống tham nhũng***	.286	.066	.254	4.311	.000	.664	1.506
Động lực kích lệ**	.146	.065	.137	2.239	.026	.616	1.625
Công nghệ thông tin	-.075	.056	-.076	-1.336	.182	.720	1.389

Nguồn: Tác giả tính toán (Trích từ SPSS)

Kết quả được trình bày dưới dạng phương trình hồi quy tuyến tính như sau:

$$HQQLT = 1.197 + 0.082*QTC + 0.114*TTTT + 0.268*PCTN + 0.146*DLKL$$

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả đánh giá thực nghiệm cho thấy có 04 nhóm yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI tại

năng, mục tiêu cá nhân của các cán bộ thuế.

Thứ hai, nghiên cứu triển khai hiệu quả phương pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro hiện đại nhằm xác định đúng đối tượng có dấu hiệu vi phạm, qua đó, tiết kiệm nguồn lực tài chính, con người, thời gian cũng như hạn chế gây phiền hà đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bảng 5: Tóm tắt kết quả kiểm định giả thuyết mô hình

Giả thuyết	Mô tả yếu tố	Giả thuyết	Kết quả kiểm định
H1	Quyền tự chủ	Tác động tích cực	Chấp nhận giả thuyết
H2	Tuyên truyền - Thanh tra	Tác động tích cực	Chấp nhận giả thuyết
H3	Ứng dụng công nghệ thông tin	Tác động tích cực	Bác bỏ giả thuyết
H4	Phòng chống tham nhũng	Tác động tích cực	Chấp nhận giả thuyết
H5	Tạo động lực khích lệ	Tác động tích cực	Chấp nhận giả thuyết

Nguồn: Tác giả tính toán (Trích từ SPSS)

Thứ ba, tăng cường các biện pháp kiểm soát và thanh tra, kiểm tra hoạt động chuyển lợi nhuận của doanh nghiệp FDI.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng và xây dựng cơ chế khuyến khích, khích lệ cán bộ thuế hợp lý.

Thứ năm, chỉ tiêu đánh giá hoàn thành nhiệm vụ (mức độ phù hợp của đầu ra) của các cấp độ quản lý cần được xác định hợp lý □

Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

⁽⁸⁾ James, S., Svetalekh, T., & Wright, B, (2007), *Tax charters, performance indicators and the case for a more strategic approach to tax administration*

⁽⁹⁾ Badara, M. a. S., & Saidin, S. Z, (2012), *Improving the existing functions of internal audit at organizational level*, International journal of arts and commerce, 1(6), pp36-46

⁽¹⁰⁾ Djawadi, B. M., & Fahr, R, (2013), *The impact of tax knowledge and budget spending influence on tax compliance*

⁽¹³⁾ Hal G. Rainey, Paula Steinbauer, (1999), *Galloping Elephants: Developing Elements of a Theory of Effective Government Organizations*, Journal of Public Administration Research and Theory, J-PART Vol. 9, No. 1 (Jan,1999), pp. 1-32, Oxford University Press

⁽¹⁴⁾ A. Afful-Broni, (2012), *Relationship between Motivation and Job Performance at the University of Mines and Technology, Tarkwa, Ghana: Leadership Lessons*

⁽¹⁵⁾ Oluyinka Solomon, Noor Hazarina Hashim (2012), *Employee Motivation and Organizational Performance in Multinational Companies: A Study of Cadbury Nigeria Plc*, International Journal of Research in Management & Technology (IJRMT), Vol. 2, No. 3, June 2012, pp 303-312

⁽¹⁶⁾ Marsden & R. Richardson, (1992), *Performing for Pay? The Effects of 'Merit Pay' on Motivation in a Public Sector*, British Journal of Industrial Relation, Vol. 33, No 2, pp 243-261, www.cep.lse.ac.uk

⁽¹⁷⁾ Luật Phòng, chống tham nhũng (2007)

⁽¹⁸⁾ OECD. (2012). *Investigation and Prosecution of Corruption Offences*. Paris

⁽¹⁹⁾ Alon, A., & Hageman, A.M, (2013), *The impact of corruption on firm tax compliance in transition economies: whom to trust?* J Business Ethics, 116, pp 479-494

⁽²⁰⁾ Karimi, S. P., Jafari, S. A., & Rezaei, R. A, (2010), *Corruption and tax revenue new evidence from developing countries*, Australian Journal of Basic and Applied Sciences, 4(9), pp 218-232

⁽¹⁾ Markusen, J. R., & Venables, A. J (1999), *Foreign direct investment as a catalyst for industrial development*, European economic review, 43(2), pp 335-356

⁽²⁾ OECD (2019), *OECD releases further guidance for tax administrations and MNE Groups on Country-by-Country reporting*

⁽³⁾ và ⁽¹¹⁾ Bolwijn, R., Casella, B., & Rigo, D (2018), *An FDI-driven approach to measuring the scale and economic impact of BEPS*, Transnational Corporations Journal, 25(2)

⁽⁴⁾ và ⁽¹²⁾ Abiola, J., & Asiweh, M, (2012), *Impact of tax administration on government revenue in a developing economy—a case study of Nigeria*, International Journal of business and social science, 3(8)

⁽⁵⁾ Rahman, Aminur, 2009, *Tackling Corruption Through: Tax Administration Reform, Investment Climate in Practice*, No. 3, World Bank, Washington, DC

⁽⁶⁾ Mikesell, J. L, (1974), *Administration and the public revenue system: a view of tax administration*, Public administration review, 34(6), pp 615-624

⁽⁷⁾ Nguyễn Minh Ngọc (2011), *Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành thuế ở Việt Nam*,